

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/HNGĐ-ST

Ngày 28/4/2021

Về việc: “Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

2. Ông Phan Minh Quốc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 508/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 80/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **N.T.T.T**, sinh năm 1994.

Hộ khẩu thường trú: ấp VL, xã VT, huyện VTH, thành phố Cần Thơ.

Tạm trú: tổ , số , khóm BL, phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang.
(Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

* Bị đơn: Anh **P.T.D.L**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp HT, xã ĐT, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 04/12/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **N.T.T.T** trình bày như sau: Chị và anh **P.T.D.L** do tự tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012, có tổ chức lễ cưới, có

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Định Thành, huyện Thoại Sơn ngày 13/5/2013. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 con chung tên P.N.T.B, sinh ngày 09/3/2013. Nhưng đến năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh L thường xuyên nhậu nhẹt và ăn chơi, không quan tâm đến gia đình, làm được bao nhiêu tiền thì ăn chơi hết. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn và kéo dài nên chị yêu cầu được ly hôn với anh P.T.D.L.

- *Về quan hệ con chung*: Vợ chồng có 01 con chung tên P.N.T.B, sinh ngày 09/3/2013, hiện đang sống với anh L. Nếu được ly hôn, chị đồng ý để anh L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Do hiện nay chị đang đi làm trên Bình Dương, việc đi lại khó khăn nên chị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa khi vụ án được đưa ra xét xử.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần triệu tập hợp lệ anh L đến để tiến hành hòa giải nhưng anh L vắng mặt không có lý do và không có lời khai hay ý kiến nên Tòa án không ghi nhận được quá trình hôn nhân, con cái, tài sản cũng như ý kiến của anh L đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xem xét, quyết định. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T được ly hôn anh L. Về con chung: Giao cháu P.N.T.B, sinh ngày 09/3/2013 cho anh L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: Không xem xét. Chị T yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Tiến (là nguyên đơn trong vụ án) có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh P.T.D.L (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên Tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T và anh L kết hôn với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Định Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ngày 13/5/2013 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay vợ chồng chị T và anh L phát sinh mâu thuẫn, chị T xin ly hôn nên Tòa án thụ lý, giải quyết là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Trong quá trình hôn nhân, chị T cho rằng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh L thường xuyên nhậu nhẹt và ăn chơi, không quan tâm đến gia đình, làm được bao nhiêu tiền thì ăn chơi hết. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Thời gian ly thân, anh L không còn tới lui, thăm nom, chăm sóc chị cũng như không có biện pháp để hàn gắn hạnh phúc. Tòa án đã triệu tập anh L để tham gia phiên hòa giải nhưng anh L cố tình vắng mặt và không trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị T thể hiện anh L không muốn hàn gắn. Xét thấy, hôn nhân giữa chị T và anh L thực tế đã không còn tồn tại, mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh L.

[2.2] Về con chung:

Chị T xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng anh chị có 01 con chung tên P.N.T.B, sinh ngày 09/3/2013, hiện nay đang sinh sống với anh L. Xét thấy, cháu B hiện nay đang sống với anh L và chị T cũng đồng ý giao cháu B cho anh L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu B, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu B, giúp cháu phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu B cho anh L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, tuy nhiên anh L không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung và chị T cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Anh L phải tạo điều kiện cho chị T được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị T không tranh chấp tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này giữa chị T và anh L có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 8, 9, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N.T.T.T.

* Về hôn nhân: Chị N.T.T.T được ly hôn với anh P.T.D.L.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 73, ngày 13/5/2013 do Ủy ban nhân dân xã Định Thành, huyện Thọai Sơn cấp cho chị N.T.T.T và anh P.T.D.L không còn giá trị pháp lý kể từ ngày 28/4/2021).

* Về con chung: Giao cháu P.N.T.B, sinh ngày 09/3/2013 cho anh L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

* Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này giữa chị T và anh L có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

* Về án phí sơ thẩm: Chị N.T.T.T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008100 ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Anh P.T.D.L không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Chị T và anh L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND h.Thoại Sơn;
- Chi cục THADS h.Thoại Sơn;
- UBND xã Định Thành;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Vân